TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 07/7/2022
"V/*v:Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Ông **Nguyễn Xuân Phương.**
Hội thẩm nhân dân: - Bà **Lương Mai Ngân**.
- Bà **Tạ Thị Thà.**
Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Trung** – Thư ký Tòa án.
Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 114/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXX ngày 10 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 51 ngày 31/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60 ngày 17/6/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S).**

Địa chỉ: L, phường 8, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ– Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Bùi Tú N– Giám đốc chi nhánh Đông Đô.
Người được ủy quyền lại: Ông Trương Quang Nghị – Nhân viên Ngân hàng. Có mặt.
***** Bị đơn: Ông **Lương Bá T**, sinh năm 1978.
Trú tại: Số 22 ngõ 281 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) trình bày:

Ngày 05/10/2018, ông Lương Bá T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng Visa, với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Với lãi suất trong hạn 2,15 %/ tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 147,499,999 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 119,500,000 đồng và ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 05/3/2019 ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T từ ngày 05/07/2019, và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 07/7/2022, ông T còn nợ tổng số tiền 77.212.426 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.896.634đ; lãi quá hạn 42.315.792đ;

(Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông T trả nợ, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông Lương Bá T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/7/2022 là 77.212.426đ *(Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 34.896.634đ; lãi quá hạn 42.315.792đ;

- Buộc ông Lương Bá T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 07/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay Theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Buộc ông Lương Bá T chịu toàn bộ án phí

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tính đến ngày 07/7/2022, buộc ông Lương Bá T thanh toán cho S số tiền: 77.212.426đ *(Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 34.896.634đ; lãi quá hạn 42.315.792đ;

Tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ nêu trên đến ngày ông Lương Bá T thực tế thanh toán hết nợ cho S.

- *Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành các thông báo của Tòa án. Bị đơn không chấp hành và đều vắng mặt.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 05/10/2018 và các văn bản tín dụng kèm theo, các giấy nhận nợ và hợp đồng bảo lãnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật do vậy có hiệu lực thi hành với các bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc, tiền lãi. Tổng cộng là 77.212.426đ *(Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 34.896.634đ; lãi quá hạn 42.315.792đ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S (S) khởi kiện ông Lương Bá T theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã được ký ngày 05/10/2018; ông Lương Bá T có địa chỉ cư trú tại: Số 22 ngõ 281 T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Lương Bá T, tuy nhiên ông Lương Bá T không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S) và các buổi làm việc ông Lương Bá T đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung vụ án:

{2.1}. Về hình thức của hợp đồng: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP S (S) và ông Lương Bá T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Ngân hàng Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng Visa, với hạn mức sử dụng là 30,000,000 đồng cho ông Lương Bá T, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ. Với lãi suất trong hạn 2,15 %/ tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/10/2018 có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

{2.2} Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ông Lương Bá T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 147,499,999 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 119,500,000 đồng và ngưng không thanh toán cho

Ngân hàng nữa vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với S kể từ 05/3/2019. Do đó đến ngày 05/07/2019, S đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước theo quy định Điều 280; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi xem xét bảng tính lãi xuất do Ngân hàng cung cấp tính đến ngày 07/7/2022, Ngân hàng yêu cầu ông Lương Bá T thanh toán số tiền: 77.212.426đ *(Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 34.896.634đ; nợ lãi quá hạn 42.315.792đ;

Hội đồng xét xử thấy theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng của các bên và căn cứ tính lãi của S là đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S) đối với số tiền 77.212.426đ *(Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)* trong đó: Nợ gốc: 34.896.634đ; lãi quá hạn 42.315.792đ; tính đến ngày 07/7/2022 đối với ông Lương Bá T theo hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ký ngày 05/10/2018 và các văn bản tín dụng kèm theo đã ký kết giữa hai bên là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, ông Lương Bá Tphải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

{2.3} Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Lương Bá T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại tiết b điểm 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Lương Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 77.212.426đ x 5% = 3.860.621đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP S 1.600.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049765 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ điểm b khoản 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S).

Buộc ông Lương Bá T phải trả Ngân hàng TMCP S (S) khoản tiền tính đến ngày 07/7/2022 là 77.212.426đ (Bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 34.896.634 đồng; nợ lãi quá hạn 42.315.792 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Ông Lương Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.860.621đ (Ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm hai mươi mốt đồng)

Trả lại Ngân hàng TMCP S (S) 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049765 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng TMCP S (S) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lương Bá T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương